2-9.Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt theo từng con sông

Sơ đồ tra cứu

Mỗi bản đồ thể hiện độ sâu ngập khi xảy ra lũ của các khu vực có nguy cơ ngập lụt, dựa trên kịch bản lũ lớn nhất có thể xảy ra đối với từng con sông dự báo lũ và thông báo mực nước.
Ngập lụt vẫn có thể xảy ra ở các khu vực ngoài vùng có nguy cơ ngập lụt nêu ở đây, và độ sâu ngập lụt thực tế có thể khác với độ sâu dự đoán.

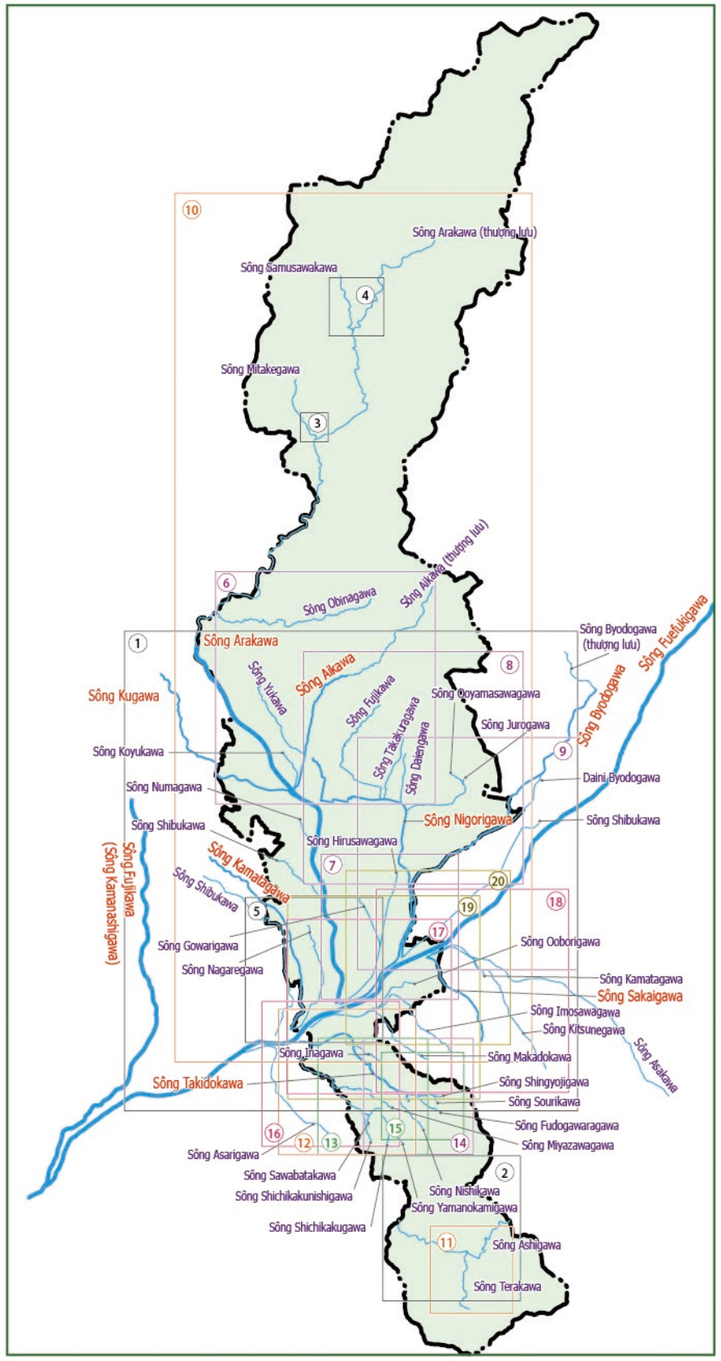

Số khung	Tên sông	Loại	Trang
1	Sông Kamanashigawa	Sông dự báo lũ	Trang 36
1	Sông Fuefukigawa		
1	Sông Arakawa		
1	Sông Aikawa	Sông thông báo mực nước	Trang 37
1	Sông Nigorigawa		
1	Sông Byodogawa		
1	Sông Takidokawa		
1	Sông Sakaigawa		Trang 38
1	Sông Kamatagawa		
1	Sông Kugawa		
5	Sông Nagaregawa	Các sông khác	
5	Sông Shibukawa		
2	Sông Ashigawa		Trang 39
11	Sông Terakawa		
12	Sông Shichikakukawa		
13	Sông Miyazawagawa・Sawabatakawa		Trang 40
13	Sông Shichikakunishigawa・Yamanokamigawa		
14	Sông Nishikawa・Shingyojigawa		
15	Sông Sourikawa・Fudogawaragawa		
16	Sông Inagawa・Asarigawa		
17	Sông Makadokawa		Trang 41
18	Sông Kitsunegawa (Thành phố Fuefuki)		
19	Sông Imosawagawa・Asakawa		
20	Sông Ooborigawa・Kamatagawa		
1	Sông Shibukawa		Trang 42
1	Sông Numakawa		
7	Sông Hirusawagawa		
7	Sông Gowarigawa		Trang 43
9	Sông Shibukawa (thị trấn Shirai)		
9	Sông Byodogawa (thượng lưu)		
9	Sông Daini Byodogawa		
8	Sông Jurogawa		Trang 44
8	Sông Daiengawa・Ooyamasawagawa		
8	Sông Takakuragawa		
8	Sông Fujikawa		
6	Sông Aikawa (thượng lưu)		Trang 45
6	Sông Yukawa		
6	Sông Koyukawa		
10	Sông Arakawa (thượng lưu)		Trang 46
6	Sông Obinagawa		
3	Sông Mitakegawa		
4	Sông Samusawakawa		
	Danh sách sông không có nguy cơ ngập lụt		

[Sông dự báo lũ] Sông Kamanashigawa, Sông Fuefukigawa, Sông Arakawa
[Sông thông báo mực nước] Sông Aikawa

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Kamanashigawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng, Giao thông và Du lịch - Cục Phát triển Vùng Kanto - Văn phòng Sông ngòi và Quốc lộ Kofu (công bố ngày 21/03/2017)
Tổng lượng mưa 48 giờ khu vực hạ lưu sông Fujikawa: 565mm
Tổng lượng mưa 48 giờ khu vực thượng lưu sông Fujikawa: 632mm

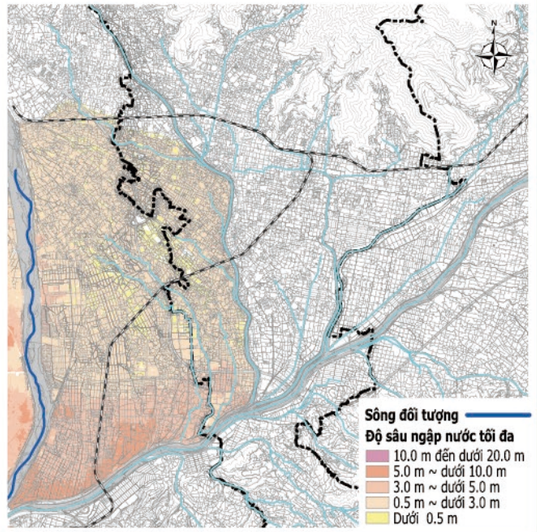

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Fuefukigawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng, Giao thông và Du lịch - Cục Phát triển Vùng Kanto - Văn phòng Sông ngòi và Quốc lộ Kofu (công bố ngày 21/03/2017)
Tổng lượng mưa 48 giờ khu vực thượng lưu Fujikawa 632mm

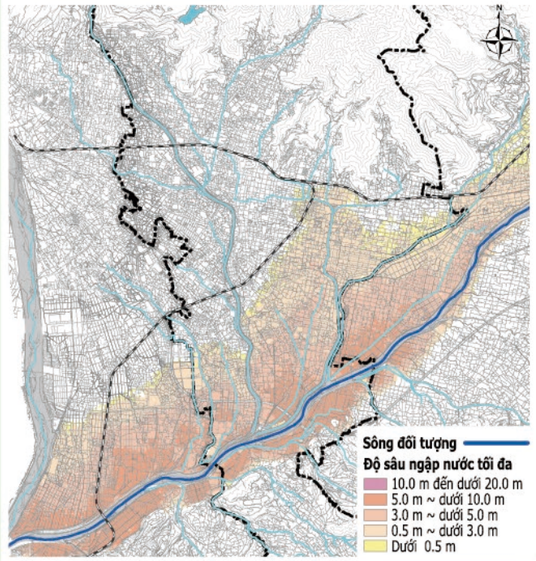

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Arakawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 31/07/2017)
810.0mm/2 ngày

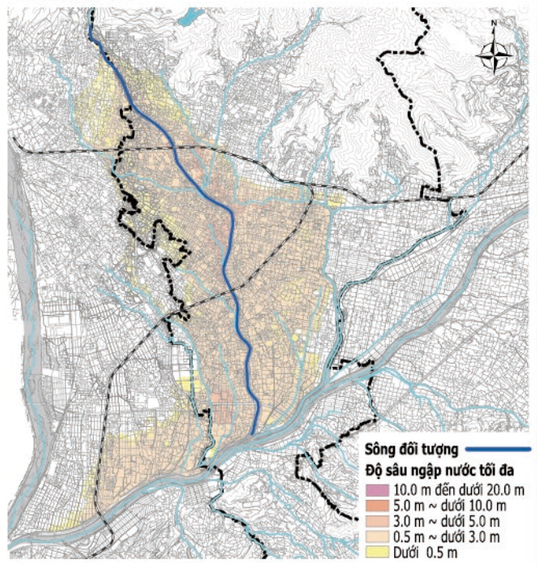

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Aikawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 31/07/2017)
130.62mm/1 giờ

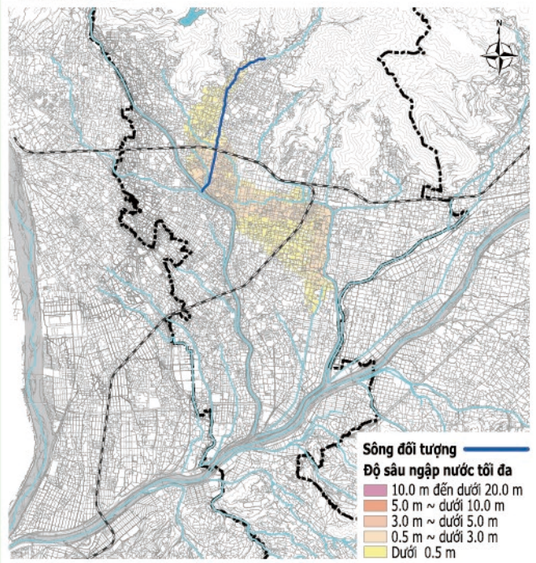

この地図の作成に当たっては、中央市長の承認を得て、中央市発行の縮尺1万分の1中央市全図を使用した。(承認番号　中央都第11-2号)
この地図は、笛吹市長の承認を得て同市発行の縮尺10,000分の1の都市計画基本図を使用し、作成したものである。(令和3年11月4日 笛まち第11-2号)
この地図の作成に当たっては、昭和町長の承認を得て、同町発行の10,000分の1図を使用したものである。(承認番号 令和3年11月2日　昭都第159号)
この地図は、甲斐市長の承認を得て同市発行の甲斐市都市計画基本図 (縮尺1/2,500) を使用し、作成したものである。(甲斐都第10-70号)

2-9.Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt theo từng con sông

[Sông thông báo mực nước] Sông Nigorigawa, Sông Byodogawa, Sông Takidokawa, Sông Sakaigawa

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Nigorigawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 31/07/2017)
131.14mm/1 giờ

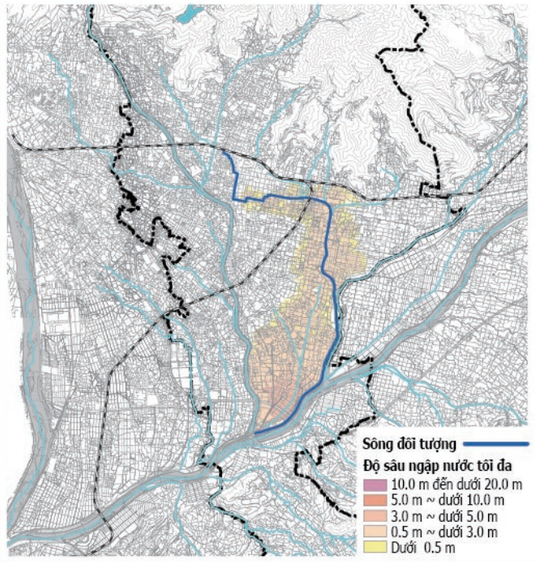

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Byodogawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 31/07/2017)
118.79mm/1 giờ

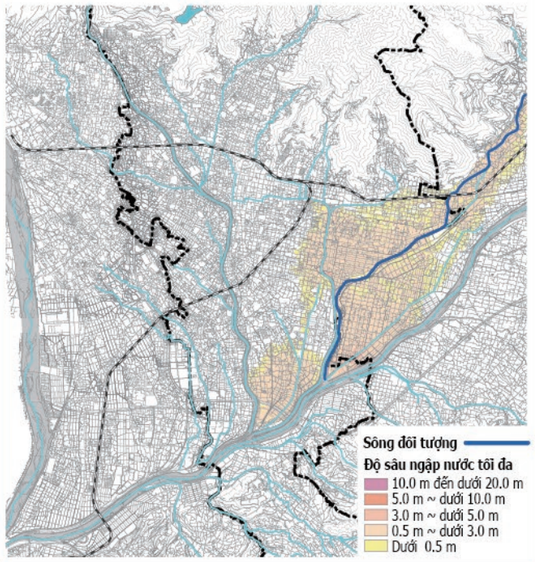

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Takidokawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 31/07/2017)
138.12mm/1 giờ

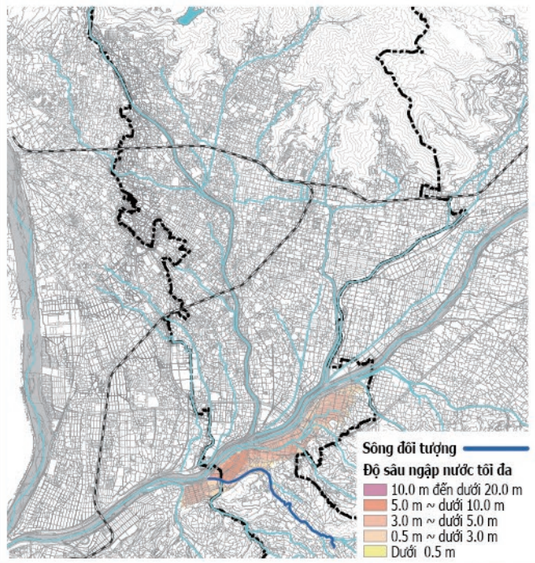

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Sakaigawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 31/07/2017)
142.89mm/1 giờ

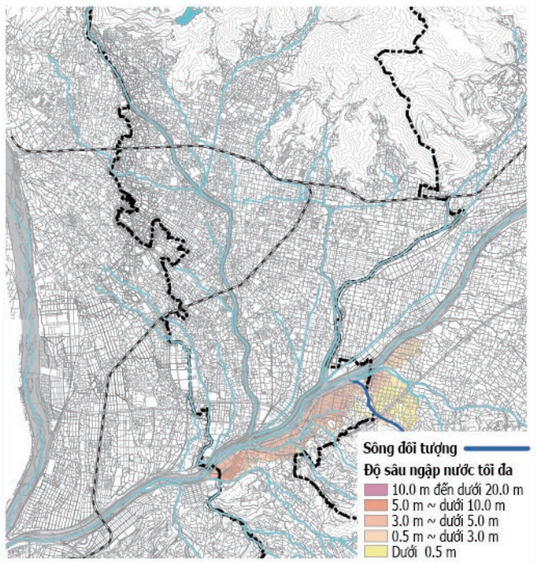

この地図の作成に当たっては、中央市長の承認を得て、中央市発行の縮尺１万分の１中央市全図を使用した。(承認番号　中央都第 11-2 号)
この地図は、笛吹市長の承認を得て同市発行の縮尺 10,000 分の１の都市計画基本図を使用し、作成したものである。(令和３年 11 月４日 笛まち第 11-2 号)
この地図の作成に当たっては、昭和町長の承認を得て、同町発行の 10,000 分の１図を使用したものである。(承認番号 令和３年 11 月２日　昭都第 159 号)

[Sông thông báo mực nước] Sông Kamatagawa, Sông Kugawa
[Các sông khác] Sông Nagaregawa, Sông Shibukawa

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Kamatagawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 25/03/2021)
72.98mm/1 giờ

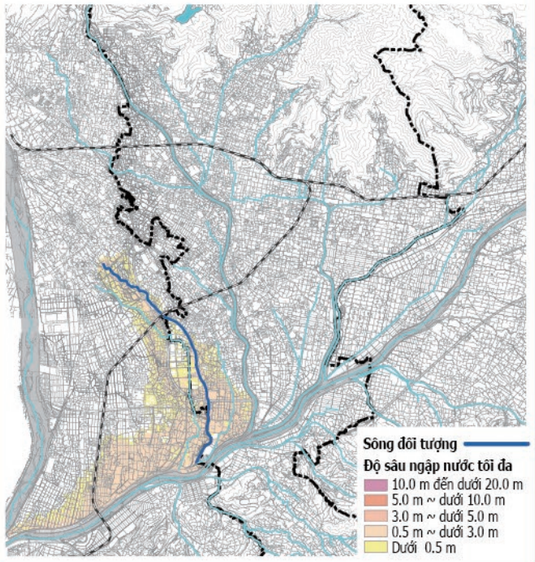

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Kugawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 25/03/2021)
132.95mm/1 giờ

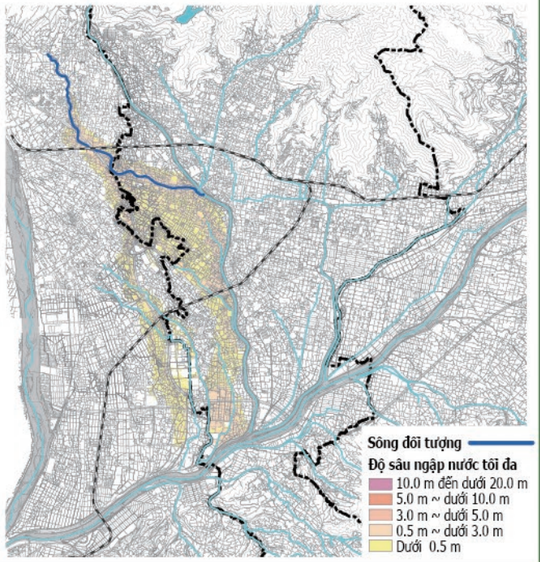

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Nagaregawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 23/03/2023)
836mm/1 ngày

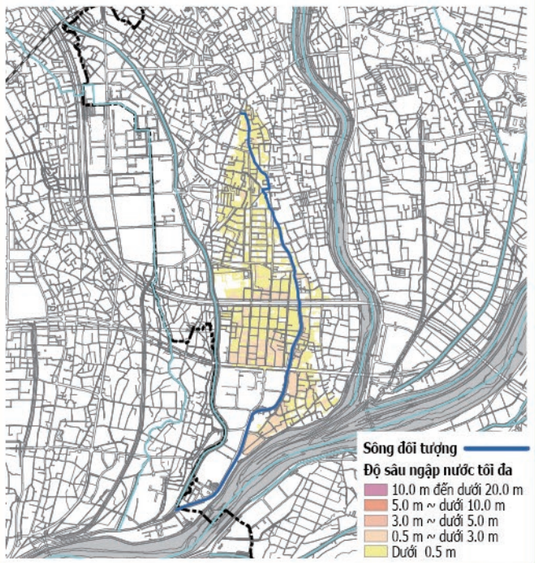

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Shibukawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 23/03/2023)
836mm/1 ngày

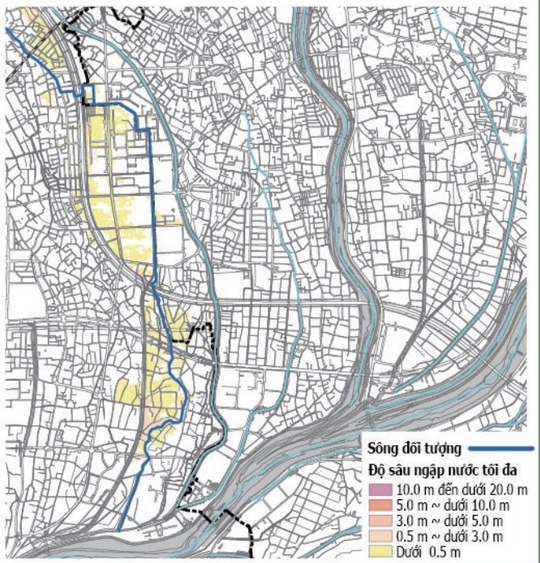

この地図は、甲斐市長の承認を得て同市発行の甲斐市都市計画基本図 (縮尺 1/2,500) を使用し、作成したものである。(甲斐都第 10-70 号)

2-9.Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt theo từng con sông

[Các sông khác] Sông Ashigawa, Sông Terakawa, Sông Shichikakukawa, Sông Miyazawagawa･Sông Sawabatakawa

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ Sông Ashigawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 29/07/2024)
843.4mm/2 ngày

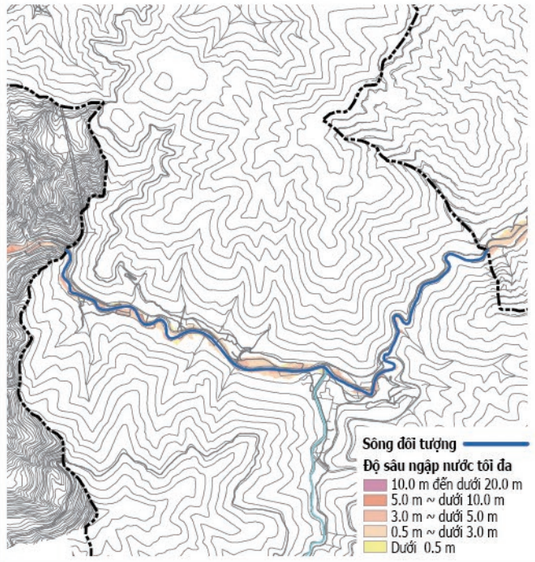

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ Sông Terakawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 29/07/2024)
843.4mm/2 ngày

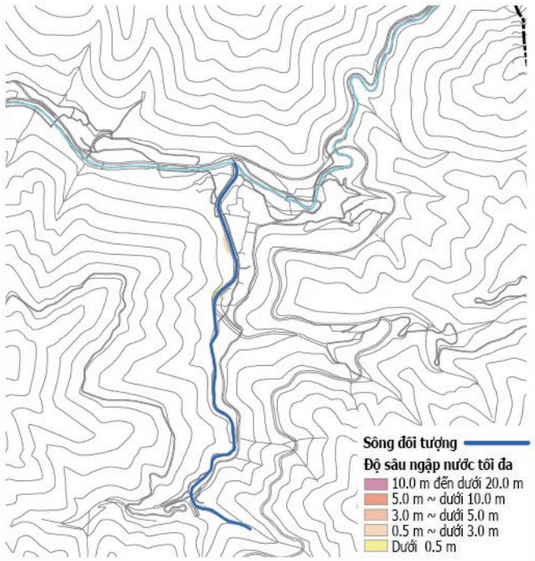

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ Sông Shichikakukawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 23/03/2023)
836mm/1 ngày

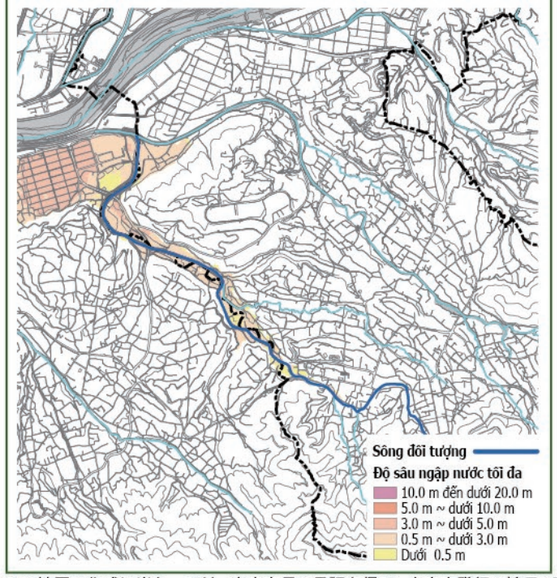

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ Sông Miyazawagawa・Sông Sawabatakawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 23/03/2023) 836mm/1 ngày

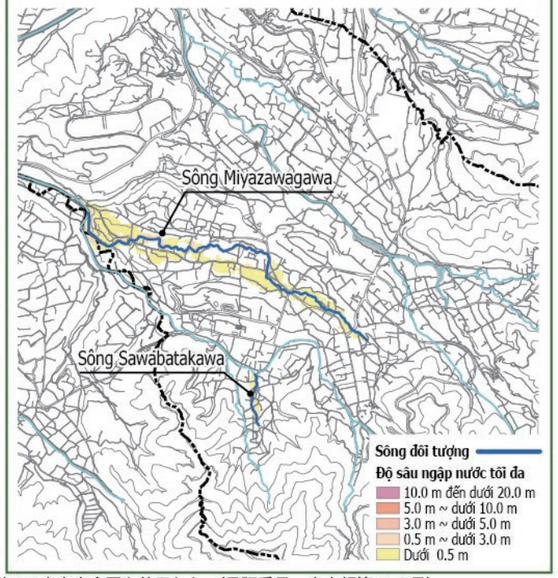

[Các sông khác] Sông Shichikakunishigawa･Sông Yamanokamigawa, Sông Nishikawa･Sông Shingyojigawa, Sông Sourikawa･Sông Fudogawaragawa, Sông Inagawa･Sông Asarigawa

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ Sông Shichikakunishigawa・Sông Yamanokamigawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 23/03/2023) 836mm/1 ngày

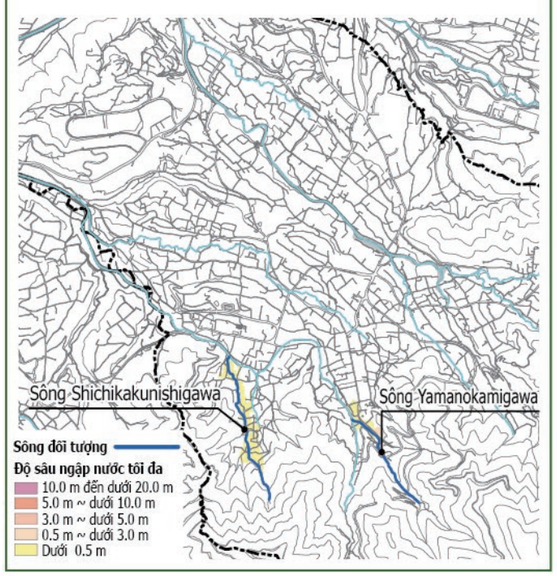

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ Sông Nishikawa・Sông Shingyojigawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 23/03/2023) 836mm/1 ngày

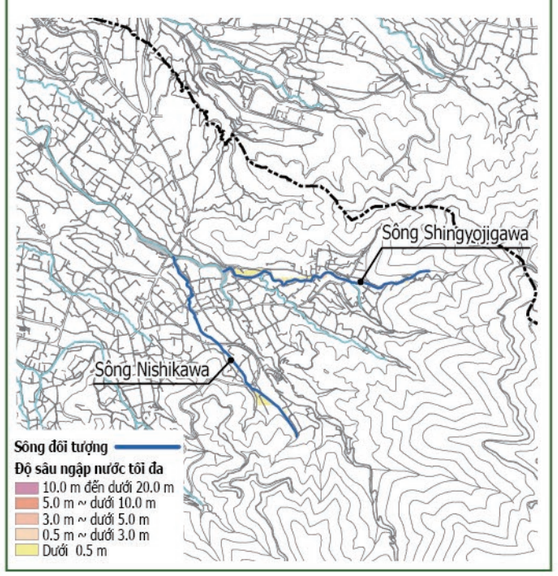

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ Sông Sourikawa・Sông Fudogawaragawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 23/03/2023) 836mm/1 ngày

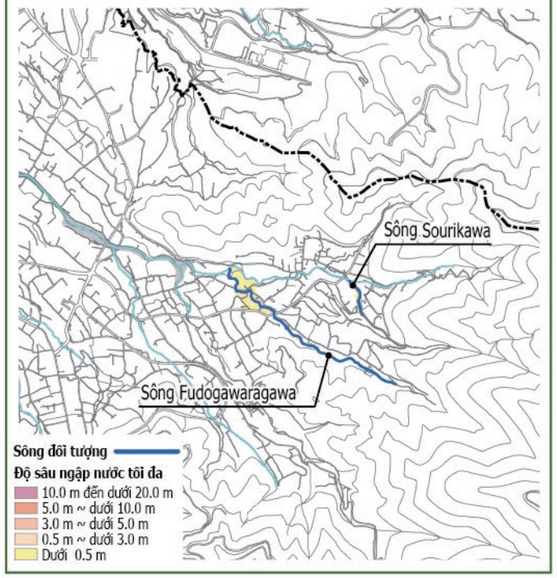

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ Sông Inagawa・Sông Asarigawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Sông Inagawa: Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 23/03/2023) 836mm/1 ngày
Sông Asarigawa: Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 29/07/2024) 836mm/1 ngày

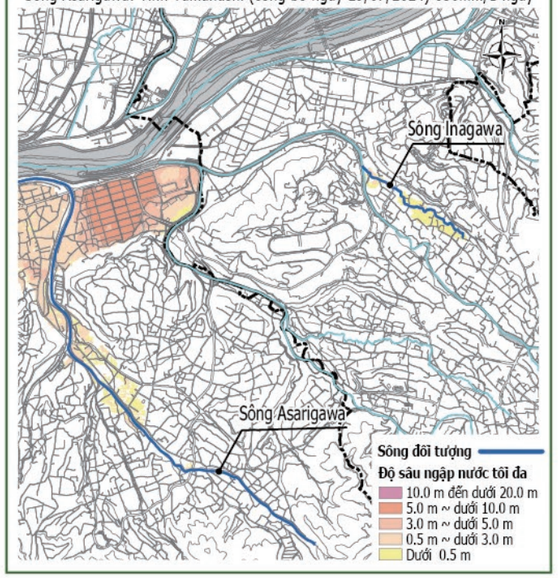

この地図の作成に当たっては、中央市長の承認を得て、中央市発行の縮尺1万分の1中央市全図を使用した。(承認番号　中央都第11-2号)
測量法に基づく国土地理院長承認(使用) R 6JHs 587
この地図は、笛吹市長の承認を得て同市発行の縮尺10,000分の1の都市計画基本図を使用し、作成したものである。(令和3年11月4日 笛まち第11-2号)